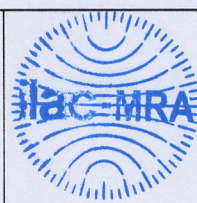


 PHÚ YÊN CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN	  VILAS 746
---	---	---

Số: 23/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

STT	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	95M ₁ 01/16	Nhà Máy Bía Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	04/07/2016 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	96B08/16	Bể chứa NMN Phú Hòa		Trần Quang Vinh	04/07/2016 9g30-9g45	
3	96M ₁ 08/16	Hộ dân huyện Phú Hòa			04/07/2016 9g45-10g15	
4	97M ₁ 01/16	Công ty Bía Sài Gòn		Nguyễn Thị Cẩm Tú	04/07/2016 8g30-8g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	97M ₂ 01/16	77 Nguyễn Tất Thành			04/07/2016 9g00-9g15	
6	97M ₃ 01/16	118 ^A Lê Trung Kiên			04/07/2016 9g30-9g45	Phạm Thị Luyện
7	98B01/16	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	04/07/2016 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				95M ₁ 01/16	96B08/16	96M ₁ 08/16	97M ₁ 01/16
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,82	7,10	7,13	6,80
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1,08	0,26	0,30	0,39
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,01	KPH	KPH	0,02
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,47	18,52	18,19	13,81
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	41,77	59,09	59,61	42,28
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4,50	5,20	5,20	4,20
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,90	0,80	0,80	0,8
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,40	8,20	8,00	7,40
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01	KPH	KPH	0,01
14	Chi số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,39	0,26	0,26
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	0,53	KPH	KPH

BM.KT.02.02

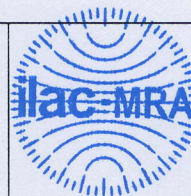
24/06/2014

Trang 1/2



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN**



VILAS 746

STT	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				97M ₂ 01/16	97M ₃ 01/16	98B01/16	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,76	6,75	6,71	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,41	0,38	0,35	
5	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	0,03	0,02	0,03	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	14,14	13,47	13,81	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42,79	41,77	41,77	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH	KPH	KPH	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	4,30	4,60	3,90	
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0,80	0,80	0,70	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,80	7,40	7,40	
13	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01	0,01	0,01	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0,32	0,26	0,32	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH	KPH	0,44	

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa, ngày 8 tháng 07 năm 2016

Lãnh Đạo Công Ty

Phòng Kỹ Thuật

Bộ Phận Hóa Nghiệm

HỌ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tấn Thuận

Nguyễn Khắc Toàn

Võ Bá Duy Huân